TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1990; nơi cư trú: SN 219/6 P, tổ 8 khu phố H, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- ***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc K tự nguyện kết hôn với nhau ngày 27/4/2016, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật

Bản. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và học tập, làm việc tại Nhật Bản. Năm 2019, vợ chồng về Việt Nam sinh sống tại miền nam. Cùng trong năm 2019, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ ngày 16/8/2020, anh K về nhà bố mẹ đẻ anh K tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ở và vợ chồng sống ly thân đến nay, không quan tâm tới nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuệ M- sinh ngày 11/3/2018, Nguyễn Minh P- sinh ngày 26/11/2019. Hiện cháu Phúc ở với chị L, còn cháu M ở với anh K. Nếu ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống tại Nhật Bản đúng như chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày. Theo anh K, tháng 3/2019, vợ chồng về sinh sống tại Việt Nam. Tháng 7/2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng lớn dần nên từ tháng 8/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh K không đồng ý vì con còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tuệ M- sinh ngày 11/3/2018, Nguyễn Minh P- sinh ngày 26/11/2019. Hiện cháu Phúc ở với chị L, còn cháu Minh ở với anh K. Nếu ly hôn, anh K đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Minh, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn 02 lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc K .

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh P- sinh ngày 26/11/2019; anh Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Tuệ M- sinh ngày 11/3/2018, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị L, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức*: Không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" và nơi cư trú bị đơn là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Nguyễn Ngọc K bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc

trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên thường nói cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị L đề nghị ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

Anh K không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian dài vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị đoàn tụ của anh K không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy chị L, anh K đều có nơi ở, nghề nghiệp, thu nhập ổn định và kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung là Nguyễn Minh P được chị L tực tiếp nuôi dưỡng, còn con chung là Nguyễn Tuệ M do anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các con chung đều phát triển ổn định về thể chất, tinh thần. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu P, anh K trực tiếp nuôi cháu M và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì các đương sự không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc K.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Minh P- sinh ngày 26/11/2019; anh Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi con chung là

Nguyễn Tuệ M- sinh ngày 11/3/2018, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị L, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Nguyễn Thị Thanh L, anh Nguyễn Ngọc K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003880 ngày 12/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho các đương sự hoặc được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm khê;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- THADS Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng